

QUAN NIỆM CỦA CHỦ NGHĨA MARK-LENIN VỀ KINH TẾ NÔNG DÂN VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân,
NCS. Đặng Thị Thu Hiền¹

1. Những nội dung cơ bản trong quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về kinh tế nông dân

Nghiên cứu các tác phẩm của Marx, Engels và Lenin, có thể rút ra những nét cơ bản trong quan niệm của các ông về kinh tế nông dân sau đây:

Thứ nhất, kinh tế nông dân là một bộ phận, và là bộ phận chủ yếu của thành phần sản xuất hàng hóa nhỏ, tồn tại khách quan và lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Phát triển lý luận của K.Marx về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lenin đã chỉ rõ đặc điểm lớn nhất, xuyên suốt của thời kỳ đó là sự tồn tại một cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, và tương ứng là một xã hội có cơ cấu nhiều giai cấp. Về cơ bản, có 3 thành phần tồn tại phổ biến ở mọi nước, là: chủ nghĩa tư bản, sản xuất hàng hóa, chủ nghĩa cộng sản; và tương ứng với nó là 3 giai cấp cơ bản: tư sản, tiểu tư sản, công nhân và những người lao động tập thể. Nhưng ông cũng chỉ rõ, tùy điều kiện mỗi nước mà các thành phần kinh tế và giai cấp sẽ có những điểm khác biệt (nhưng không phải là chủ yếu nhất). Với nước Nga, do là một nước tiểu nông, nên tồn tại 5 thành phần, bao gồm: kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên; sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mì); chủ nghĩa tư bản tư nhân; chủ nghĩa tư bản nhà nước; chủ nghĩa xã hội, trong đó thành phần sản xuất hàng hóa nhỏ là chủ yếu. Ông nhấn mạnh: giữa các thành phần kinh tế ấy, tính tự phát tiểu tư sản chiếm ưu thế; số đông, thậm chí là đại đa số nông dân đều là những người sản xuất hàng hóa nhỏ².

Cả K.Marx, F.Engels và V.I.Lenin đều thống nhất quan niệm là các thành phần trên sẽ tồn tại lâu dài, trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là vì, một mặt, như F.Engels chỉ ra là do người nông dân là một nhân tố rất cơ bản của dân cư, của nền sản xuất và của chính quyền, nên sự tồn tại của nó là có lợi cho giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản; mặt khác, do toàn bộ tâm lý, tập quán sản xuất nhỏ tồn tại hàng trăm năm đã tạo "một cơ sở có những cội rễ rất sâu và rất chắc" vào ý thức tư hữu của người nông dân, nên họ sẽ chống lại bất cứ sự can thiệp, hay kiểm kê, kiểm soát nào của nhà nước, vì vậy việc thay thế chế độ tư hữu nhỏ bằng chế độ công hữu là không thể tiến hành một lần mà xong được. Vậy nên, V.I.Lenin đã cực lực phê phán những tư tưởng nóng vội muốn xóa bỏ ngay mọi hình thức tư hữu để xác lập chế độ công hữu.

Thứ hai, cần phải cải tạo giai cấp tiểu tư sản cùng với những tập quán, những thói quen của giai cấp ấy, và địa vị kinh tế của giai cấp ấy theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù xác định sự tồn tại lâu dài của kinh tế tiểu nông, nhưng điều đó không có nghĩa là giai cấp vô sản để mặc họ, mà ngược lại, phải cải tạo họ, phải tiêu diệt cái cơ sở vô cùng rộng

¹ Trường Đại học Lâm nghiệp Hà Nội

² V.I.Lenin, Toàn tập, Tập 43, Nxb Tiến bộ, Maxcova, 1977, tr.248

lớn và có cội rễ rất sâu và rất chắc cho sự duy trì và phục hồi lại chủ nghĩa tư bản trong cuộc đấu tranh ác liệt chống chủ nghĩa cộng sản. Đó là một nhiệm vụ khó khăn, nhưng theo F.Engels, thì “Nếu chúng ta xác định được lập trường của chúng ta đối với tiểu nông thì chúng ta sẽ có mọi tiêu điểm để xác định được thái độ của mình đối với những thành phần khác trong dân cư nông thôn.”¹ Thấm nhuần tư tưởng của F.Engels, V.I.Lenin luôn nhắc nhở giai cấp vô sản là không được quên kẻ thù chủ yếu trong bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là giai cấp tiểu tư sản và tính tự phát tiểu tư sản, cùng với những tập quán, những thói quen, và địa vị kinh tế của giai cấp ấy. Ông nói, nếu giai cấp vô sản xóa bỏ được chế độ tư hữu của người tiểu nông thì cũng có nghĩa là họ đã “nhổ được những gốc rễ sâu xa hơn và dai dẳng hơn của những quan hệ cũ tiền xã hội chủ nghĩa, thậm chí tiền tư bản.”² Khi đó, và chỉ có khi đó giai cấp tư sản mới hết cơ sở để tái sinh và tồn tại.

Về cải tạo sản xuất nhỏ, cả K.Marx, F.Engels và V.I.Lenin đều có chung quan niệm là phải lôi cuốn nông dân đi theo chủ nghĩa xã hội. Các ông cho rằng, nếu giải phóng nông dân mà chỉ dừng lại ở việc đưa ruộng đất và tự do cho họ, thì đó mới chỉ là bước đầu; nhiệm vụ của giai cấp vô sản và chính đảng của nó còn lớn hơn, và khó khăn hơn nhiều. Đó là phải xóa bỏ tư hữu, dẫn dắt nông dân xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, để không vì sự yếu đuối và thiếu năng lực cạnh tranh của họ mà bị phân hóa trong guồng máy tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, con đường cơ bản để cải tạo nông dân là tập hợp họ vào các hợp tác xã.

Những người nông dân sau khi thoát khỏi chế độ bóc lột của chủ nghĩa tư bản trở thành người nông dân tự do và được chia ruộng đất thuộc nhà nước. Nhưng, sự thâm nhập của sản xuất hàng hóa vào nông nghiệp, sự cạnh tranh giữa nông dân, những cuộc đấu tranh giành đất đai, giành độc lập kinh tế... đã dẫn đến tình trạng phân hóa trong nông dân: giai cấp tư sản nông dân lấn át trung nông và nông dân nghèo. Đó là vấn đề có tính quy luật. Vì vậy, chừng nào người nông dân chưa trở thành những người lao động tập thể trong các Hợp tác xã (HTX) thì chừng đó vẫn còn nguy cơ đói nghèo và bị bóc lột. Trong “Tuyên ngôn thành lập Hiệp hội công nhân Quốc tế,” K.Marx đã nhấn mạnh: muốn giải phóng nông dân, giải phóng quần chúng lao động, thì cần phải phát triển lao động hợp tác trên quy mô cả nước, bằng con đường kinh tế, chứ không phải bằng những biện pháp tội lỗi đối với nông dân. Sau này V.I.Lenin làm rõ thêm: HTX là hình thức kinh tế quá độ thích hợp để chuyển từ tiểu sản xuất sang đại sản xuất, đưa những nhà sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, do đó, đưa nông dân vào HTX là con đường duy nhất mang lại lợi ích cho họ, và cũng là con đường cơ bản nhất, dễ dàng nhất để cải tạo họ theo chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do “những thói quen lâu đời, cố cựu, bất di bất dịch” đã ăn sâu vào tiềm thức của nông dân nên họ sẽ không sẵn sàng từ bỏ những lợi ích riêng để đi theo giai cấp công nhân trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, giai cấp vô sản phải lãnh đạo họ, đấu tranh với họ để gây ảnh hưởng tới họ và lôi cuốn họ tham gia HTX. Chừng nào giai cấp vô sản tổ chức được toàn thể nông dân vào HTX, thì chừng đó họ mới thật sự đứng vững được cả hai chân trên miếng đất xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, trong quá trình cải tạo nông dân, cần có những bước đi thận trọng, với những chính sách và biện pháp thích hợp.

Mặc dù tư tưởng của Chủ nghĩa Marx-Lenin là xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu trong chủ nghĩa xã hội, nhưng điều đó không có nghĩa là phải tiến hành quốc hữu hóa ngay một lúc tất cả các tư liệu sản xuất xã hội; mà ngược lại, có thể và cần phải sử dụng

¹ C.Mác-Ph.Ăng-ghe-n, Tuyển tập, Tập VI, Nxb ST, HN, 1984, tr.567.

² V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 43, Nxb Tiến bộ, Maxcova, 1977, tr.273.

những giải pháp mềm dẻo, linh hoạt, thích hợp với tình hình cụ thể ở mỗi giai đoạn cụ thể của cách mạng. Tức là, việc xóa bỏ các thói quen, xóa bỏ địa vị kinh tế của thành phần sản xuất hàng hóa nhỏ, đưa những người sản xuất hàng hóa nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu, nhưng không phải bằng các biện pháp tước đoạt như đối với địa chủ, cũng không phải bằng những biện pháp lập pháp hay hành chính hấp tấp và thiếu thận trọng, và nhất là, không được “biến công cuộc hợp tác hóa thành một trò chơi ngu ngốc”¹ để khiến cho nông dân phải phần nộ... Đó là vì, tất cả những điều đó chỉ sẽ gây thêm khó khăn cho bước quá độ, và do đó sẽ kéo dài thêm bước quá độ đó mà thôi. Ngược lại, giai cấp vô sản phải giúp đỡ nông dân, phải lôi kéo họ tham gia HTX bằng chính việc làm tốt đẹp của HTX. Nói cách khác, HTX phải là tấm gương để nông dân nhìn vào đó mà đưa ra quyết định có tham gia HTX hay không. Cho nên, như F.Engels đã khẳng định, là: “tấm gương của những HTX nông nghiệp đó sẽ chứng minh cho ngay cả những người cuối cùng trong đám nông dân có mảnh ruộng đất nhỏ, còn ngoan cố và có thể cho cả một vài phú nông thấy rõ những điều lợi của nền kinh tế lớn HTX quy mô lớn.”²

2. Khái quát quá trình vận dụng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào cải tạo kinh tế nông dân ở Việt Nam

Ngay sau khi hòa bình lập lại (1954), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định con đường phát triển của miền Bắc là tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Công việc đầu tiên sau cuộc cải cách ruộng đất là Đảng tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, mà trọng tâm là cải tạo sản xuất nhỏ cá thể, chủ yếu là nông dân. Trong bản Báo cáo về nhiệm vụ kế hoạch phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân ba năm (1958-1960), Đảng đã nhấn mạnh: “Nền kinh tế của ta về căn bản vẫn còn là một nền kinh tế nông nghiệp, năng lực sản xuất còn thấp. Trong xã hội ta, nông dân lao động là lực lượng đông đảo nhất, là lực lượng trụ cột để phát triển sản xuất và cải tạo kinh tế theo chủ nghĩa xã hội. Vì thế, trong những năm sắp đến, chúng ta vẫn phải coi việc cải tạo và phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch phát triển và cải tạo kinh tế.”³

Với nhận thức đó, Hội nghị lần thứ 16 BCHTW Đảng Khóa II (mở rộng) đã tập trung bàn về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, trong đó hợp tác hóa nông nghiệp được coi là khâu quan trọng trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc lúc bấy giờ. Hội nghị xác định: mục tiêu của hợp tác hóa là: nhằm biến những người nông dân cá thể thành nông dân tập thể, biến sản xuất cá thể thành sản xuất tập thể; phương pháp tiến hành là: tuyên truyền, giáo dục, vận động thuyết phục nông dân tham gia HTX; bước đi là: dần dần, từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn, cụ thể là, đi từ tổ đổi công lên HTX bậc thấp, rồi HTX bậc cao.

Lộ trình cụ thể để cải tạo kinh tế nông dân những năm này là: từ 1955-1958 thí điểm đưa nông dân vào làm ăn tập thể thông qua con đường hợp tác hóa nông nghiệp; năm 1959 mở rộng phong trào hợp tác hóa trên toàn miền Bắc; và năm 1960 đưa phong trào hợp tác hóa thành cao trào, tiến tới xóa bỏ chế độ tư hữu nhỏ của người nông dân, xóa bỏ tận gốc cơ sở để ra chủ nghĩa tư bản. Thực hiện lộ trình đó, đến cuối năm 1960, đã có 84,8% số hộ nông dân lao

¹ V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 45, Nxb CTQG, HN, 1978. <http://cpv.org.vn/cpv/>, tr.53.

² C.Mác-Ph.Ăng-ghe-n, Tuyển tập, Tập VI, Nxb ST, HN, 1984, tr.591.

³ Đảng Lao động Việt Nam, Báo cáo về nhiệm vụ kế hoạch phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân ba năm (1958-1960), <http://cpv.org.vn/cpv/>

động gia nhập HTX (chiếm 76% tổng diện tích canh tác); 77,2% số hộ tham gia HTX nghề cá; và 85% số hộ tham gia HTX nghề muối¹. Với những kết quả đó, đến năm 1960, Đảng xác định miền Bắc đã hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo tiểu nông. Còn tại miền Nam, công việc đó cũng được hoàn thành vào những năm cuối 1970. Tại Đại hội lần thứ IV (1976), Đảng đánh giá thành tựu kinh tế lớn nhất là đã “chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp hết sức lạc hậu sang chế độ xã hội chủ nghĩa một cách nhanh gọn.”²

Cũng phải thấy rằng, vào thời kỳ 1960-1975, các HTX đã thể hiện là lực lượng quan trọng trong việc đảm bảo đời sống của hàng triệu nông dân ở hậu phương và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng nước ta. Tuy nhiên, từ sau năm 1975, trong điều kiện đất nước đã thống nhất, những hạn chế của mô hình HTX (tập thể hóa triệt để tư liệu sản xuất; tạo ra mâu thuẫn giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân; triệt tiêu động lực phát triển) mà trước đây do phải tập trung cho cuộc chiến tranh giữ nước người ta không chú ý tới, nay bắt đầu bộc lộ, dữ dội nhất là vào cuối thập niên đó. Lợi ích mà HTX đem lại cho nông dân không tương xứng với những cống hiến của họ (thu nhập từ HTX chỉ mang lại 30% tổng thu nhập của hộ nông dân), vì vậy, mặc dù đã có hàng chục nghìn HTX được thành lập, đã có hàng triệu nông dân tham gia, nhưng nông dân không thiết tha với HTX. Về địa vị, người nông dân từ chỗ đang làm chủ trên mảnh ruộng của mình đã vô tình bị tách khỏi ruộng đất, trở thành người làm công cho Ban quản trị HTX. Rốt cuộc, mục tiêu “người cày có ruộng” của Đảng đã không trở thành hiện thực. Nông dân trở nên thờ ơ với ruộng đất, và tự đi tìm cuộc sống ở ngoài HTX. Điều đó đã dẫn đến sự tan vỡ của hàng loạt HTX. Đến những năm cuối 1980 - đầu 1990, có 93% tổng số tập đoàn sản xuất bị tan rã (với 33.352 đơn vị), và 17% HTX giải thể (với 2.958 HTX). Tỷ lệ hộ nông dân tham gia HTX đã giảm từ 84,8% những năm 1960-1970 xuống còn 64% những năm 1980; trong đó nhiều nơi giảm rất mạnh, như ở Nam Bộ giảm từ 86% xuống còn 10%, miền núi phía Bắc từ 91% xuống còn 45%, thậm chí nhiều tỉnh đã không còn HTX và tập đoàn sản xuất³.

Trước tình trạng đó, Đảng đã buộc phải nhìn nhận lại quá trình tiến hành hợp tác hóa đối với nông dân. Từ tổng kết thực tiễn, nhận ra sai lầm trong việc nóng vội xóa bỏ chế độ tư hữu nhỏ, tuyệt đối hóa chế độ công hữu khi chưa có đủ điều kiện, vào những năm đầu 1980, Đảng đã chủ trương đổi mới HTX, mà thực chất là trả lại quyền làm chủ thực sự cho hộ nông dân. Đây chính là sự “trở về” với tư tưởng của chủ nghĩa Marx-Lenin về sự tồn tại khách quan và lâu dài của thành phần kinh tế cá thể trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức đó đã “cởi trói” cho nông dân, đã khơi dậy được tính tích cực của chủ thể kinh doanh trong nông nghiệp. Nông dân được trao lại quyền làm chủ ruộng đất từng bước. Đầu tiên là họ được tự chủ 3/8 khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp (theo Chỉ thị 100/CT/TW của BBT Trung ương Đảng năm 1981); tiếp đến là được tự chủ toàn bộ 8/8 khâu (theo NQ 10/BCT năm 1988); đặc biệt là được sử dụng đất ổn định, lâu dài (theo Luật đất đai năm 1993). Tiếp đó là các chính sách hỗ trợ kinh tế hộ nông dân, như: Nghị định 13/CP về công tác khuyến nông (1993); Nghị định 14/CP về chính sách cho hộ nông dân vay vốn để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế hộ nông thôn (năm 1994); Quy chế thành lập Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo (1995); và gần đây nhất là Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (2008)... Các chính sách trên, và nhiều chính sách khác nữa kể từ những

¹ <http://www.toquoc.gov.vn/Thongtin/Kinh-Te/...html>.

² Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb. Sự thật, H.1976, tr.33.

³ Chữ Văn Lâm, Sở hữu tập thể và kinh tế tập thể- vị trí và vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Đề tài KX.01.03, HN, 2005.

năm 1980 đến nay đã đặt trọng tâm ưu tiên vào chủ thể nông dân - bộ phận đông đảo nhất trong dân cư, và là bộ phận có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Nghị quyết 26-NQ/TW nhấn mạnh: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.”

Việc thừa nhận vai trò chủ thể của hộ gia đình nông dân đã tạo một động lực mới cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Biểu hiện là, vẫn mảnh ruộng đó, vẫn con người đó, nhưng sản lượng lương thực thì đã tăng từ 13,3 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 lên 17,6 triệu tấn thời kỳ/năm thời kỳ 1981-1988, và 37,16 triệu tấn/năm thời kỳ 2004-2008. Có thể nói, việc nhận thức lại những quan điểm tư tưởng của chủ nghĩa Marx-Lenin về sự tồn tại khách quan của kinh tế nông dân đã có tác động lớn đến việc chuyển từ nền sản xuất nông nghiệp thiếu hụt triển miên sang nền nông nghiệp dư thừa, bảo đảm được tiêu dùng trong nước và có một lượng xuất khẩu lớn.

3. Một số nhận xét và kiến nghị

Lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin nói chung, và quan niệm về cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế tiểu nông lên chủ nghĩa xã hội nói riêng đã được Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu và vận dụng vào việc thực hiện cải tạo nền kinh tế sản xuất nhỏ cá thể theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nhưng đáng tiếc là công cuộc cải tạo đó dường như không mấy thành công: đưa nông dân vào HTX (1960-1980), rồi lại thừa nhận quyền tự chủ kinh doanh của kinh tế hộ (1981-1996), rồi lại thành lập HTX (1997 đến nay). Từ đó, một câu hỏi đặt ra là: phải chăng lý luận về cải tạo sản xuất nhỏ mà chủ nghĩa Marx-Lenin đưa ra là không đúng? Câu trả lời thì đã nằm ngay ở việc làm của chúng ta vừa nêu trên (các HTX được thành lập lại theo Luật HTX từ năm 1997 là HTX khác trước, theo mô hình của V.I.Lenin). Như vậy, nguyên nhân của sự yếu kém của các HTX trước đây không phải do áp dụng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cải tạo nông dân, mà trái lại là do chúng ta đã không làm đúng theo những gì mà K.Marx, F.Engels và V.I.Lenin đã chỉ dẫn. Thể hiện:

Thứ nhất, cả K.Marx, F.Engels và V.I.Lenin đều khẳng định sự tồn tại khách quan và lâu dài của sản xuất hàng hóa nhỏ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhưng chúng ta vì nôn nóng, muốn có ngay chủ nghĩa xã hội nên đã vội vàng xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, triệt tiêu động lực của sự phát triển.

Thứ hai, chủ nghĩa Marx-Lenin khuyên là cần hết sức thận trọng, phải có những bước đi thích hợp trong quá trình cải tạo kinh tế nông dân, nhưng chúng ta lại tiến hành việc đó một cách ồ ạt, đốt cháy giai đoạn, để chỉ trong một thời gian rất ngắn (3 năm) đã đưa đại đa số nông dân vào các HTX bậc cao trên quy mô lớn (xã hoặc liên thôn).

Thứ ba, V.I.Lenin đã đưa ra các nguyên tắc cơ bản của hợp tác hóa, trong đó đề cao nguyên tắc tự nguyện, thì chúng ta lại cưỡng ép nông dân vào HTX, bằng các biện pháp có tính chất hành chính, mệnh lệnh.

Thứ tư, V.I.Lenin đã phân loại nông dân để đưa ra các chính sách và biện pháp cải tạo phù hợp với từng đối tượng, thì chúng ta lại xóa nhòa ranh giới giữa nông dân cá thể với nhà tư bản lớn.

Thứ năm, chủ nghĩa Marx-Lenin yêu cầu nhà nước phải giúp đỡ kinh tế nông dân một cách thiết thực, thì chúng ta dường như lại quan tâm nhiều hơn đến lực lượng doanh nghiệp, mà chưa có sự quan tâm thỏa đáng đến nông nghiệp và nông dân.

Từ đó có thể thấy, những quan niệm của chủ nghĩa Marx-Lenin về kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tuy đã được đưa ra cách đây rất lâu nhưng nó vẫn còn có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Để thúc đẩy kinh tế nông dân phát triển đúng hướng, trên cơ sở tiếp tục vận dụng những tư tưởng, những quan niệm của chủ nghĩa Marx-Lenin vào bối cảnh hiện nay, cần phải chú ý các vấn đề sau:

Một là nên tách kinh tế cá thể, tiểu chủ ra khỏi kinh tế tư bản tư nhân.

Tuy V.I.Lenin không gọi kinh tế cá thể của nông dân là một thành phần kinh tế độc lập, nhưng ông đã coi kinh tế cá thể là một bộ phận, và là bộ phận chủ yếu, là “đại đa số” trong thành phần sản xuất hàng hóa nhỏ; còn kinh tế tiểu chủ thì xếp vào thành phần kinh tế tư bản nhà nước - thành phần mà ông gọi là $\frac{3}{4}$ xã hội chủ nghĩa, thuộc hình thức HTX tư bản.

Đại hội X của Đảng gộp 2 thành phần kinh tế cá thể-tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân (theo quan niệm của Đại hội VIII và IX) thành một thành phần, gọi là kinh tế tư nhân, với lý do cả 3 bộ phận (cá thể, tiểu chủ, và tư bản tư nhân) đều dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Điều đó không sai, nhưng việc nhập các bộ phận đó lại thì sẽ không phân biệt và phân định được ranh giới giữa người nông dân lao động với người nông dân con buôn, đầu cơ, mà theo V.I.Lenin thì sự phân định ranh giới đó là hết sức quan trọng trong cải tạo các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Sự khác nhau giữa “hai người nông dân” đó đòi hỏi phải có chính sách và biện pháp cải tạo khác nhau đối với họ. Chúng ta không thể đối xử như nhau giữa một người bán hàng tạp nham với số vốn mấy trăm ngàn đồng, hay một người nông dân chỉ có con trâu, cái cày, vài sào ruộng với số vốn vài triệu, hay nhiều lắm cũng chỉ vài chục triệu đồng, với một nhà kinh doanh có số vốn hàng trăm triệu đồng, thậm chí hàng tỷ đồng được. Lại càng không thể đối xử như nhau giữa một người sống chỉ dựa vào sức lao động chính mình, với một người thuê hàng chục, thậm chí hàng trăm lao động. Còn kinh tế tiểu chủ, tuy có những điểm giống với thành phần tư bản tư nhân (có thuê lao động), nhưng trong điều kiện một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu thì tiểu chủ gần nhiều hơn với kinh tế cá thể, cần được đối xử như với cá thể chứ không phải như tư bản. F.Engels đã từng vạch rõ, nếu người trung nông sống giữa những người tiểu nông, thì những quyền lợi và quan điểm của họ không khác với quyền lợi và quan điểm của người tiểu nông, vì họ đã chứng kiến có nhiều người như họ đã từng rơi xuống cái khối đông đảo những người tiểu nông rồi.

Hai là cần hỗ trợ nông dân nhiều hơn, và thiết thực hơn.

Vai trò của nông dân và nông nghiệp đối với sự phát triển đất nước đã được Đảng nhận thức, nhưng trên thực tế, sự đầu tư cho nông dân, nông nghiệp lại chưa tương xứng với vai trò của nó; hơn nữa, giữa chính sách và thực tiễn đang còn một khoảng cách khá xa. Thể hiện: thứ nhất, mức đầu tư cho nông nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với những đóng góp của nó cho nền kinh tế; thứ hai, việc thực hiện công nghiệp hóa và đô thị hóa đã lấy đi một phần khá lớn đất nông nghiệp mà người nông dân mới được trao quyền tự chủ chưa lâu, kéo theo đó là 7-8 triệu nông dân bị mất việc làm, mất phương tiện kiếm sống; thứ ba, chính sách của Nhà nước chưa thật sự mang lại lợi ích cho nông dân, thậm chí có chính sách đã tạo sự bất bình đẳng trong hưởng lợi giữa nông dân và doanh nghiệp. Tình trạng đó làm cho nông dân đã nghèo càng nghèo hơn.

Là chủ thể đầu tư của ngành nông nghiệp thì tình trạng nghèo đói của nông dân dĩ nhiên sẽ hạn chế sự phát triển nông nghiệp. Vì vậy, Đảng, Nhà nước, hệ thống ngân hàng, các nhà khoa học, các tổ chức xã hội cần phải quan tâm nhiều hơn, giúp đỡ nhiều hơn cho nông dân, bằng hành động thực tế chứ không phải chỉ bằng nghị quyết.

Sự giúp đỡ nông dân hiện nay, cần tập trung vào ba hướng lớn: hỗ trợ về tài chính, tín dụng, về kỹ thuật, và về tổ chức. Về tài chính, tín dụng, nếu chỉ dừng lại ở các hoạt động cung cấp tín dụng ưu đãi cho nông dân thì chưa đủ (đó là chưa nói đến tình trạng “hữu danh vô thực” của các chính sách), bởi có tiền mà không có điều kiện để sử dụng, hoặc không biết sử dụng nó một cách hiệu quả thì chắc chắn nông dân sẽ trở thành con nợ của ngân hàng và người cho vay nặng lãi ở địa phương. Vì vậy, đối với nông dân, tốt hơn hết là phải thực hiện hỗ trợ trực tiếp, thông qua các hình thức như: giảm giá bán máy móc và vật tư nông nghiệp; miễn giảm các khoản đóng góp; hay tăng giá mua nông sản với mức đảm bảo lãi thỏa đáng cho nông dân (chứ không nhất thiết phải là 30% như quy định tại điều 10 của Nghị định số 12/2006/NĐ-CP, vì con số này phải thay đổi theo biến động của giá thị trường thế giới, có tính đến thị trường nội địa). Về kỹ thuật, cần mở rộng mạng lưới khuyến nông đi đôi với nâng cao trình độ về văn hóa, khoa học kỹ thuật, tiếp cận thị trường... cho nông dân để cải tạo triệt để kỹ thuật sản xuất và kỹ thuật canh tác theo lối sản xuất nhỏ của họ. Về tổ chức, phải tổ chức nông dân lại trong các HTX trên cơ sở sự tự nguyện của họ, bởi một mặt, hoạt động của các hộ đơn lẻ, dù ở trình độ nào, vẫn vấp phải những giới hạn mà riêng từng hộ không thể vượt qua; mặt khác, theo quy luật của sự phát triển lực lượng sản xuất, thì sự tiến bộ của công nghiệp cũng sẽ thủ tiêu chế độ sở hữu cá nhân. Như vậy, rõ ràng hợp tác hóa theo đúng mô hình và nguyên tắc của V.I.Lenin vẫn là con đường tất yếu và cơ bản để biến nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, biến người nông dân thành công nhân nông nghiệp.

Ba là thành lập các tổ chức hiệp hội đa dạng, phù hợp với từng loại hình kinh doanh của nông dân.

Nông dân là lực lượng yếu thế trong xã hội. Do vốn ít, trình độ thấp, năng lực tiếp cận thị trường kém... họ đã phải chịu nhiều thiệt thòi, trong đó thiệt thòi lớn nhất là việc họ làm ra sản phẩm nhưng lại không có quyền quyết định giá cả sản phẩm, dẫn đến sự phân chia lợi ích không công bằng giữa nông dân với các doanh nghiệp, các trung gian buôn bán. Nông dân luôn ở trong tình trạng “được mùa rớt giá,” còn các doanh nghiệp thì “ngồi mát ăn bát vàng.” Thể hiện: trong toàn bộ chuỗi cung ứng lúa - gạo, người nông dân đảm nhận 50% công việc nhưng chỉ nhận được 11% tổng giá trị tăng thêm; trong khi đó người bán buôn thực hiện chưa tới 10% công việc thì lại nhận gần 67% giá trị đó¹.

Thiệt thòi như vậy nhưng nông dân chẳng biết kêu ai, cũng chẳng có ai, chẳng có tổ chức nào đứng ra bảo vệ quyền lợi cho họ. Các hiệp hội hiện nay (chủ yếu là hiệp hội các doanh nghiệp) chỉ chạy theo lợi nhuận nên thường bỏ qua quyền lợi của nông dân, thậm chí còn tạo ra những xung đột về lợi ích giữa nông dân và doanh nghiệp (ví dụ điển hình nhất là việc quyết định ngừng xuất khẩu để mua gạo với giá thấp của Hiệp hội Lương thực vào năm 2008).

Cần nhớ rằng, nông dân là chủ thể đầu tư nông nghiệp, nên muốn có nền nông nghiệp phát triển thì nông dân phải giàu có, lợi ích của nông dân phải được bảo đảm. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết, nông dân cần có các tổ chức hoạt động vì họ, nói tiếng nói của họ, bảo vệ quyền lợi cho họ, chia sẻ khó khăn cùng họ... Một tổ chức như vậy chỉ có thể là các hiệp hội ngành nghề, ngành hàng, do chính nông dân lập ra, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, nông dân cần có sự lựa chọn hình thức

¹ Theo Minh Trường, <http://www.toquoc.gov.vn/Thongtinkinhhte/...html>

hình thức hiệp hội phù hợp với hoạt động của mình thì mới phát huy được tác dụng và hiệu quả của hiệp hội.

